

BIỂU CHI TIẾT

**Các lô đất thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư xã Nam Dương,
huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II) (nay là xã Nam Dương, tỉnh Bắc Ninh)**

*(Kèm theo Phương án đấu giá quyền sử dụng đất đối với 50 lô đất ở thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật
và khu dân cư xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II))*

| STT | Số lô | Diện tích (m ²) | Dự kiến giá khởi điểm theo m ² (đồng/m ²) | Dự kiến giá khởi điểm theo lô (đồng/lô) | Ghi chú |
|-----|-------|--------------------------------|--|--|-------------------|
| 1 | 1044 | 119,0 | 7.500.000 | 892.500.000 | |
| 2 | 1045 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 3 | 1046 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 4 | 1047 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 5 | 1048 | 110,5 | 7.500.000 | 828.750.000 | |
| 6 | 1049 | 116,7 | 7.500.000 | 875.250.000 | |
| 7 | 1050 | 117,1 | 7.500.000 | 878.250.000 | |
| 8 | 1051 | 107,9 | 7.500.000 | 809.250.000 | |
| 9 | 1052 | 102,8 | 7.500.000 | 771.000.000 | |
| 10 | 1053 | 102,5 | 7.500.000 | 768.750.000 | |
| 11 | 1083 | 111,0 | 7.500.000 | 832.500.000 | |
| 12 | 1084 | 111,0 | 7.500.000 | 832.500.000 | |
| 13 | 1085 | 111,0 | 7.500.000 | 832.500.000 | |
| 14 | 1086 | 111,0 | 7.500.000 | 832.500.000 | |
| 15 | 1087 | 111,0 | 7.500.000 | 832.500.000 | |
| 16 | 1088 | 111,0 | 7.500.000 | 832.500.000 | |
| 17 | 1089 | 111,0 | 7.500.000 | 832.500.000 | |
| 18 | 1090 | 102,5 | 9.000.000 | 922.500.000 | Lô góc 2 mặt tiền |
| 19 | 1091 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 20 | 1092 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 21 | 1093 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 22 | 1094 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 23 | 1095 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 24 | 1096 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 25 | 1097 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |

| STT | Số lô | Diện tích (m ²) | Dự kiến giá khởi điểm theo m ² (đồng/m ²) | Dự kiến giá khởi điểm theo lô (đồng/lô) | Ghi chú |
|-------------------|-------|-----------------------------|--|---|-------------------|
| 26 | 1098 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 27 | 1099 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 28 | 1100 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 29 | 1101 | 97,7 | 9.000.000 | 879.300.000 | Lô góc 2 mặt tiền |
| 30 | 1102 | 151,7 | 9.000.000 | 1.365.300.000 | Lô góc 2 mặt tiền |
| 31 | 1103 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 32 | 1104 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 33 | 1105 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 34 | 1106 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 35 | 1107 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 36 | 1108 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 37 | 1109 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 38 | 1110 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 39 | 1111 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 40 | 1112 | 136,5 | 9.000.000 | 1.228.500.000 | Lô góc 2 mặt tiền |
| 41 | 1113 | 129,0 | 9.000.000 | 1.161.000.000 | Lô góc 2 mặt tiền |
| 42 | 1114 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 43 | 1115 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 44 | 1116 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 45 | 1117 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 46 | 1118 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 47 | 1119 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 48 | 1120 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 49 | 1121 | 102,0 | 7.500.000 | 765.000.000 | |
| 50 | 1122 | 111,0 | 9.000.000 | 999.000.000 | Lô góc 2 mặt tiền |
| Tổng 50 lô | | 5.341,9 | | 41.156.850.000 | |